TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11-7-2022
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Đẹp.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Xuân.

2. Ông Nguyễn Thành Công.

Thư ký phiên tòa: Bà Ôn Tú Trân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 234/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị A, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp Cả Sáu, xã Thạnh P, huyện T, tỉnh Long An (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh Phạm Hoàng V, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 5 năm 2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Võ Thị A trình bày:

Chị và anh Phạm Hoàng V kết hôn với nhau năm 2014, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là xã P), huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 58/2016 ngày 02/6/2016. Quá trình chung sống giữa chị và anh V xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh V thường xuyên uống rượu, không quan tâm vợ con, có đam mê cờ bạc dẫn đến nợ nần. Chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh V vẫn không thay đổi, dù đã được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Đến tháng 6 năm 2019 anh V đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống, không tới lui thăm nom, chăm sóc con, không còn liên lạc với chị. Khoảng tháng 4 năm 2020 anh V quay về xin hàn

gắn tình cảm. Chị vì thương con còn nhỏ, tin tưởng anh V sẽ thay đổi, chị đồng ý tiếp tục chung sống cùng anh V. Tuy nhiên trong thời gian chung sống thì anh V vẫn không thay đổi tính tình, tiếp tục uống rượu, cờ bạc, không quan tâm chăm sóc vợ con, anh V tiếp tục bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, bỏ mặc chị một mình nuôi con. Bản thân chị nhận thấy tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị không thể tiếp tục chung sống cùng anh V nên yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh V có 01 con chung tên Phạm Võ Ngọc M, sinh ngày 01/5/2016, hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung Phạm Võ Ngọc M và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh V không có tài sản chung.

Về nợ chung: Chị và anh V không có nợ chung.

Bị đơn anh Phạm Hoàng V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nội dung đơn khởi kiện của chị An, đã nhận được các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện do chị A nộp, đã nhận Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ của Tòa án nhưng anh V vắng mặt không nộp văn bản thể hiện ý kiến, không nộp tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu ly hôn của chị A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị Võ Thị A khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Hoàng V đang cư trú tại xã P, huyện C, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Nguyên đơn chị Võ Thị A có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Phạm Hoàng V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị An và anh V.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Võ Thị A thấy rằng:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị A và anh Phạm Hoàng V kết hôn với nhau năm 2016, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là xã P), huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 58/2016 ngày 02/6/2016 nên xác định hôn nhân giữa anh V và chị A là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của chị A cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện quá trình chung sống giữa anh V và chị A có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh V thường xuyên uống rượu, đam mê cờ bạc, không chăm lo kinh tế gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con, đã được khuyên ngăn nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi. Qua các lần triệu tập để hòa giải đoàn tụ vợ chồng thì anh V vắng mặt thể hiện không có thiện chí để hàn gắn tình cảm.

Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa chị A và anh V không còn khả năng đoàn tụ, tình trạng vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A, cho chị A và anh V ly hôn.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống chị A và anh V có 01 con chung tên Phạm Võ Ngọc M, sinh ngày 01/5/2016, hiện đang sống cùng chị A. Khi ly hôn chị A yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung Phạm Võ Ngọc M và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy để bảo đảm cuộc sống ổn định cho con chung cũng như tạo điều kiện cho cháu Phạm Võ Ngọc M phát triển về mọi mặt nên giao con chung Phạm Võ Ngọc M, sinh ngày 01/5/2016 cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng và tạm thời anh V không cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị A xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Võ Thị A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị A về việc yêu cầu ly hôn với anh Phạm Hoàng V.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị A được ly hôn với anh Phạm Hoàng V.

- Về con chung: Ghi nhận chị Võ Thị A và anh Phạm Hoàng V có 01 con chung tên Phạm Võ Ngọc M, sinh ngày 01/5/2016.

Giao con chung Phạm Võ Ngọc M, sinh ngày 01/5/2016 cho chị Võ Thị A tiếp tục nuôi dưỡng.

Ghi nhận tạm thời anh Phạm Hoàng V không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Hoàng V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp

nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Võ Thị A chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí do chị An nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu số 0013328 ngày 13/4/2022. Chị A đã nộp xong.

3. Về quyền, thời hạn kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn chị Võ Thị A, bị đơn anh Phạm Hoàng V vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án, quyết .định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã P, huyện C, tỉnh Long An.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Đẹp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**